

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH	
<b>ĐẾN</b> Số: 28756	
Ngày: 15/08/14	
Chuyển: N/A	
Lưu hồ sơ số: .....	

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
6 THÁNG ĐẦU NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN  
HÀNG XUẤT KHẨU LONG AN**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	14 - 35
8. Phụ lục	36 - 39

\*\*\*\*\*

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được soát xét.

### Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần chế biến hàng xuất khẩu Long An là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1100107301 (số cũ là 05380), đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 11 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi như sau:

- Thay đổi lần 1 ngày 24 tháng 3 năm 2004 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.
- Thay đổi lần 2 ngày 10 tháng 01 năm 2005 về việc bổ sung chi nhánh.
- Thay đổi lần 3 ngày 11 tháng 11 năm 2005 về việc tăng vốn điều lệ.
- Thay đổi lần 4 ngày 08 tháng 5 năm 2006 về việc tăng vốn điều lệ.
- Thay đổi lần 5 ngày 23 tháng 5 năm 2008 về việc điều chỉnh vốn điều lệ.
- Thay đổi lần 6 ngày 03 tháng 07 năm 2009 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, tăng vốn điều lệ.
- Thay đổi lần 7 ngày 06 tháng 10 năm 2009 về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh.
- Thay đổi lần 8 ngày 20 tháng 5 năm 2011 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, tăng vốn điều lệ và bổ sung thông tin chi nhánh.
- Thay đổi lần 9 ngày 05 tháng 4 năm 2012 về việc bổ sung thông tin chi nhánh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 147.280.190.000 VND

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ tháng 12 năm 2000.

### Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 81B Quốc lộ 62, phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An.  
Điện thoại : 8472.3821501 – 8472.3823900  
Fax : 8472.3826735 – 8472.3829637  
Mã số thuế : 1100107301

### Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần chế biến hàng xuất khẩu Long An - Nhà máy Điều Long An	81B, quốc lộ 62, phường 2, thành phố Tân An, tỉnh Long An
Chi nhánh Công ty cổ phần chế biến hàng xuất khẩu Long An tại tỉnh Bình Phước	xã Tiến Hưng, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước
Chi nhánh Công ty cổ phần chế biến hàng xuất khẩu Long An tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	xã Đá Bạc, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Trung tâm chăm sóc khách hàng từ xa Bảo Việt – Lafooco	81B, quốc lộ 62, phường 2, thành phố Tân An, tỉnh Long An

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: Sản xuất, chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu và dịch vụ trong ngành hàng nông sản, thủy sản; Đầu tư gia công, sản xuất, chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu và dịch vụ đại lý, môi giới trong ngành hàng: nông sản, thủy sản, lương thực, thực phẩm, phân bón, hàng thủ công mỹ nghệ, gỗ, máy móc thiết bị, nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất, xe ô tô và xe có động cơ khác; Dịch vụ cho thuê kho bãi, cầu cảng, cao ốc văn phòng; Đầu tư tài chính; Đại lý chứng khoán.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU LONG AN**  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)**

**Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 39).

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 15 tháng 3 năm 2014 đã thông qua quyết định không phân phối lợi nhuận năm 2013. Ngoài ra, Đại hội cũng thống nhất kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2014 sẽ được quyết định cụ thể trong Đại hội cổ đông thường niên năm 2015.

**Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Chiêu	Chủ tịch	28 tháng 3 năm 2010	-
Ông Nguyễn Như Song	Phó Chủ tịch	28 tháng 3 năm 2010	-
Ông Đoàn Văn Đông	Thành viên	28 tháng 3 năm 2010	-
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	24 tháng 3 năm 2012	-
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên	24 tháng 3 năm 2012	-
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên	24 tháng 3 năm 2012	-
Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên	19 tháng 7 năm 2014	-

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Duy Hưng	Trưởng ban	24 tháng 3 năm 2012	-
Bà Đoàn Đặng Quý An	Thành viên	09 tháng 3 năm 2013	01 tháng 7 năm 2014
Ông Đặng Quốc Thanh	Thành viên	09 tháng 3 năm 2013	-

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Chiêu	Tổng Giám đốc	28 tháng 3 năm 2010	-
Ông Đoàn Văn Đông	Phó Tổng Giám đốc	28 tháng 3 năm 2010	-
Ông Vũ Hoài Đức	Phó Tổng Giám đốc	06 tháng 8 năm 2013	-
Ông Nguyễn Văn Khải	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 8 năm 2014	-

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU LONG AN**  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)**

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần chế biến hàng xuất khẩu Long An tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị



Nguyễn Văn Chiêu  
Chủ tịch

Ngày 14 tháng 8 năm 2014







**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Trưng Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970  
Branch in Hà Nội : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Hà Nội City  
Branch in Nha Trang: 18 Trần Khánh Du St., Nha Trang City  
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Trần Ngọc Que St., Cần Thơ City  
[www.a-c.com.vn](http://www.a-c.com.vn)

Số: 0680/2014/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT  
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU LONG AN**

**Kính gửi: CỘ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU LONG AN**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty cổ phần chế biến hàng xuất khẩu Long An gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, được lập ngày 21 tháng 7 năm 2014, từ trang 07 đến trang 39 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty cổ phần chế biến hàng xuất khẩu Long An đã được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra nhận xét không nhận thấy có sự kiện nào để cho thấy Báo cáo tài chính giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tại Báo cáo kết quả công tác soát xét ngày 12 tháng 8 năm 2013 và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 tại Báo cáo Kiểm toán độc lập ngày 28 tháng 02 năm 2014.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

3301  
TY  
IN  
ANG  
TU  
N  
LONG AN

M.S.D.N  
TR  
KI  
C.T. AN

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Nguyễn Chí Dũng /- Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2014

Hoàng Thị Thu Hương /- Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0101-2013-008-1





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU LONG AN**

Địa chỉ: 81B quốc lộ 62, phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>209.294.513.099</b>	<b>106.177.653.130</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>10.702.347.991</b>	<b>28.649.256.457</b>
1. Tiền	111		10.702.347.991	9.649.256.457
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	19.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>87.948</b>	<b>87.948</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	87.948	87.948
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>50.219.532.281</b>	<b>32.750.313.346</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	50.376.813.791	27.627.327.845
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	4.215.787.377	8.153.993.586
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	188.303.230	1.672.573.413
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(4.561.372.117)	(4.703.581.498)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>142.119.993.018</b>	<b>40.032.937.624</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	142.119.993.018	40.032.937.624
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.252.551.861</b>	<b>4.745.057.755</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	2.234.030.906	13.636.365
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.453.479.883	4.223.920.953
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	2.565.041.072	507.500.437



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU LONG AN**

Địa chỉ: 81B quốc lộ 62, phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>89.957.493.148</b>	<b>82.616.350.662</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>71.477.287.139</b>	<b>64.690.549.158</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	53.436.147.644	46.438.680.247
<i>Nguyên giá</i>	222		85.767.905.706	77.100.896.960
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(32.331.758.062)	(30.662.216.713)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	17.710.645.240	17.997.820.978
<i>Nguyên giá</i>	228		20.608.264.222	20.608.264.222
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.897.618.982)	(2.610.443.244)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	330.494.255	254.047.933
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>17.050.084.220</b>	<b>17.050.084.220</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	14.700.000.000	14.700.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	2.350.084.220	2.350.084.220
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.430.121.789</b>	<b>875.717.284</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	1.282.531.314	875.717.284
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.16	147.590.475	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>299.252.006.247</b>	<b>188.794.003.792</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU LONG AN**

Địa chỉ: 81B quốc lộ 62, phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>182.113.416.084</b>	<b>73.681.871.356</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>182.029.541.553</b>	<b>73.656.670.498</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	154.949.512.713	50.899.190.000
2. Phải trả người bán	312	V.18	14.732.926.614	6.237.388.017
3. Người mua trả tiền trước	313		568.610.958	972.056.273
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	47.326.592	47.326.592
5. Phải trả người lao động	315	V.20	2.927.759.432	4.982.509.351
6. Chi phí phải trả	316	V.21	1.939.800.761	623.991.012
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	4.968.650.760	7.652.831.176
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.23	1.894.953.723	2.241.378.077
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>83.874.531</b>	<b>25.200.858</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.24	83.874.531	25.200.858
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>117.138.590.163</b>	<b>115.112.132.436</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>117.138.590.163</b>	<b>115.112.132.436</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.25	147.280.190.000	147.280.190.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	24.894.688.720	24.894.688.720
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.25	39.922.982.059	39.922.982.059
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.25	9.547.963.269	9.547.963.269
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.25	156.380.000	159.380.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.25	(104.663.613.885)	(106.693.071.612)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>299.252.006.247</b>	<b>188.794.003.792</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU LONG AN

Địa chỉ: 81B quốc lộ 62, phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số	
		cuối kỳ	đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		16.009.355	16.009.355
5. Ngoại tệ các loại		-	-
Dollar Mỹ (USD)		352.969,72	270.567,91
Euro (EUR)		3,62	3,62
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Long An, ngày 21 tháng 7 năm 2014

Trương Thị Phượng Linh  
Người lập biểu

Huỳnh Thị Ngọc Mỹ  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chiêu  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU LONG AN**

Địa chỉ: 81B quốc lộ 62, phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	256.627.065.339	178.101.310.845
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	649.865.322	246.347.925
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	255.977.200.017	177.854.962.920
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	242.211.385.871	178.087.560.625
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.765.814.146	(232.597.705)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.477.923.219	302.428.152
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.587.006.959	4.536.294.414
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.657.616.008	3.492.115.605
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	6.851.666.164	6.270.459.186
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	3.930.417.008	3.800.405.626
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.874.647.234	(14.537.328.779)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	79.901.960	52.658.739.967
12. Chi phí khác	32	VI.8	14.008.269	16.359.067.331
13. Lợi nhuận khác	40		65.893.691	36.299.672.636
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.940.540.925	21.762.343.857
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.19	-	8.941.541.962
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(88.916.802)	(149.067.327)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>2.029.457.727</u>	<u>12.969.869.222</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>138</u>	<u>881</u>

Long An, ngày 21 tháng 7 năm 2014

Trương Thị Phượng Linh  
Người lập biểuHuỳnh Thị Ngọc Mỹ  
Kế toán trưởng  
Nguyễn Văn Chiêu  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU LONG AN**

Địa chỉ: 81B quốc lộ 62, phường 2, thành phố Tân An, tỉnh Long An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		234.205.745.801	175.977.396.520
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(322.746.729.576)	(143.088.841.159)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(18.787.677.381)	(21.342.901.956)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	V.21; VI.4	(1.619.056.522)	(3.460.778.064)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		9.462.326.146	5.946.651.983
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(17.953.976.725)	(10.937.431.528)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(117.439.368.257)</b>	<b>3.094.095.796</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(5.228.196.820)	(5.179.459.749)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	52.221.268.546
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5; VI.3	1.964.415.333	87.472.435
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(3.263.781.487)</b>	<b>47.129.281.232</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU LONG AN**

Địa chỉ: 81B quốc lộ 62, phường 2, thành phố Tân An, tỉnh Long An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.17	281.639.220.326	96.884.983.498
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.17	(178.883.694.572)	(149.384.876.721)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>102.755.525.754</b>	<b>(52.499.893.223)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(17.947.623.990)</b>	<b>(2.276.516.195)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>28.649.256.457</b>	<b>7.731.206.326</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		715.524	19.813.528
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>10.702.347.991</b>	<b>5.474.503.659</b>

Long An, ngày 21 tháng 7 năm 2014



Trương Thị Phượng Linh  
Người lập biểu



Huỳnh Thị Ngọc Mỹ  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Văn Chiêu  
Tổng Giám đốc



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU LONG AN

Địa chỉ: 81B Quốc lộ 62, phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Chế biến nông, lâm, thủy sản, đầu tư tài chính
4. **Nhân viên**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có 876 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 995 nhân viên).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU LONG AN

Địa chỉ: 81B Quốc lộ 62, phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU LONG AN

Địa chỉ: 81B Quốc lộ 62, phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	5 -25
Máy móc và thiết bị	3 -10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

### 6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### 7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng,... Quyền sử dụng đất được tính khấu hao từ 07 năm đến 13 năm.

#### *Phần mềm máy tính*

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 08 năm.

### 8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU LONG AN

Địa chỉ: 81B Quốc lộ 62, phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

### 9. Chi phí trả trước dài hạn

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

#### *Chi phí trả trước dài hạn khác*

Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm các chi phí sửa chữa nhà xưởng, máy móc và thiết bị. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

### 10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

### 11. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng  $\frac{1}{2}$  tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

### 12. Nguồn vốn kinh doanh

#### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU LONG AN

Địa chỉ: 81B Quốc lộ 62, phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### 13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

### 14. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng như sau:

	Mục đích
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

### 15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU LONG AN

Địa chỉ: 81B Quốc lộ 62, phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### 16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013 : 21.085 VND/USD  
30/6/2014 : 21.300 VND/USD

### 17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán thành phẩm*

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU LONG AN

Địa chỉ: 81B Quốc lộ 62, phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 18. Tài sản tài chính

#### *Phân loại tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

#### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

#### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

#### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua tài sản tài chính đó.

### 19. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

#### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### 20. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

### 21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU LONG AN

Địa chỉ: 81B Quốc lộ 62, phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	88.104.158	96.359.556
Tiền gửi ngân hàng	10.614.243.833	9.552.896.901
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	-	19.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>10.702.347.991</u></b>	<b><u>28.649.256.457</u></b>

### 2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Cổ phiếu Công ty cổ phần tập đoàn Hapaco Hải Phòng (HAP)	9	87.948	9	87.948

### 3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng nước ngoài	49.606.979.974	26.898.643.338
Khách hàng trong nước	769.833.817	728.684.507
<b>Cộng</b>	<b><u>50.376.813.791</u></b>	<b><u>27.627.327.845</u></b>

Các khoản phải thu khách hàng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

### 4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các nhà cung cấp trong nước	1.227.970.399	4.783.395.586
Trả trước cho các nhà cung cấp nước ngoài	2.987.816.978	3.370.598.000
<b>Cộng</b>	<b><u>4.215.787.377</u></b>	<b><u>8.153.993.586</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU LONG AN**

Địa chỉ: 81B Quốc lộ 62, phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****5. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi dự thu	-	40.111.112
Bảo hiểm xã hội	43.120.141	17.279.212
Cổ tức, lợi nhuận phải thu	-	1.470.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II - Tiền hỗ trợ lãi suất	136.683.089	136.683.089
Các khoản phải thu khác	8.500.000	8.500.000
<b>Cộng</b>	<b><u>188.303.230</u></b>	<b><u>1.672.573.413</u></b>

**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	(1.001.537.500)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	(1.007.015.629)	(278.614.575)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	(3.554.356.488)	(3.423.429.423)
<b>Cộng</b>	<b><u>(4.561.372.117)</u></b>	<b><u>(4.703.581.498)</u></b>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(4.703.581.498)	(3.557.037.002)
Trích lập dự phòng bổ sung	(39.278.119)	(465.987.712)
Hoàn nhập dự phòng	181.487.500	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>(4.561.372.117)</u></b>	<b><u>(4.023.024.714)</u></b>

**7. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên vật liệu	40.278.033.569	280.188.736
Công cụ dụng cụ	1.654.971.219	1.723.191.609
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	43.039.914.910	13.100.255.146
Thành phẩm	50.927.556.895	24.929.302.133
Hàng hóa	6.219.516.425	-
<b>Cộng</b>	<b><u>142.119.993.018</u></b>	<b><u>40.032.937.624</u></b>

**8. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí giai đoạn ngừng sản xuất	1.919.452.119	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	314.578.787	13.636.365
<b>Cộng</b>	<b><u>2.234.030.906</u></b>	<b><u>13.636.365</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU LONG AN**

Địa chỉ: 81B Quốc lộ 62, phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****9. Tài sản ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	463.000.437	463.000.437
Tạm ứng	333.097.960	-
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	1.768.942.675	44.500.000
<b>Cộng</b>	<b>2.565.041.072</b>	<b>507.500.437</b>

**10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	40.928.047.056	27.852.989.910	7.217.946.176	1.101.913.818	77.100.896.960
Mua sắm trong năm	-	8.102.008.746	565.000.000	-	8.667.008.746
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>40.928.047.056</b>	<b>35.954.998.656</b>	<b>7.782.946.176</b>	<b>1.101.913.818</b>	<b>85.767.905.706</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	6.969.940.956	2.651.805.686	1.490.035.636	2.013.505.096	13.125.287.374
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	13.205.543.827	13.308.887.195	3.385.345.725	762.439.966	30.662.216.713
Khấu hao trong kỳ	513.160.456	922.146.218	219.270.283	14.964.392	1.669.541.349
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>13.718.704.283</b>	<b>14.231.033.413</b>	<b>3.604.616.008</b>	<b>777.404.358</b>	<b>32.331.758.062</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	27.722.503.229	14.544.102.715	3.832.600.451	339.473.852	46.438.680.247
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>27.209.342.773</b>	<b>21.723.965.243</b>	<b>4.178.330.168</b>	<b>324.509.460</b>	<b>53.436.147.644</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 24.850.446.545 VND và 20.960.162.299 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

**11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	20.561.500.322	46.763.900	20.608.264.222
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>20.561.500.322</b>	<b>46.763.900</b>	<b>20.608.264.222</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	221.323.588	46.763.900	268.087.488
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	2.565.627.776	44.815.468	2.610.443.244
Khấu hao trong kỳ	290.215.404	935.274	291.150.678
Giảm trong kỳ	-	(3.974.940)	(3.974.940)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.855.843.180</b>	<b>41.775.802</b>	<b>2.897.618.982</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU LONG AN**

Địa chỉ: 81B Quốc lộ 62, phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	17.995.872.546	1.948.432	17.997.820.978
Số cuối kỳ	17.705.657.142	4.988.098	17.710.645.240
Trong đó:			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số Quyền sử dụng đất có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 20.501.500.322 VND và 17.705.657.142 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Chi phí thiết kế đường nội bộ, hệ thống thoát nước	234.292.733	-	234.292.733
Chi phí thiết kế nhà ép dầu điều	8.405.000	-	8.405.000
Chi phí thiết kế xưởng tách nhân	11.350.200	-	11.350.200
Chi phí xây dựng Công công ty tại Khu công nghiệp	-	76.446.322	76.446.322
<b>Cộng</b>	<b>254.047.933</b>	<b>76.446.322</b>	<b>330.494.255</b>

**13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5702001629 ngày 20 tháng 02 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH XNK thủy sản Cần Thơ 14.700.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ.

**14. Đầu tư dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty cổ phần xuất khẩu nông sản Ninh Thuận	100.000	1.050.000.000	100.000	1.050.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam	7	84.220	7	84.220
Công ty cổ phần điện cơ	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
Công ty cổ phần du lịch Bông Sen	30.000	300.000.000	30.000	300.000.000
<b>Cộng</b>		<b>2.350.084.220</b>		<b>2.350.084.220</b>

**15. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số phân bổ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Công cụ, dụng cụ	802.644.479	330.202.500	(174.142.223)	958.704.756
Chi phí trả trước dài hạn khác	73.072.805	297.845.994	(47.092.241)	323.826.558
<b>Cộng</b>	<b>875.717.284</b>	<b>628.048.494</b>	<b>(221.234.464)</b>	<b>1.282.531.314</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU LONG AN**

Địa chỉ: 81B Quốc lộ 62, phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**16. Tài sản thuế hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	-	-
Số phát sinh	147.590.475	147.338.739
Số cuối kỳ	<u>147.590.475</u>	<u>147.338.739</u>

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận cho khoản lỗ tính thuế phát sinh từ các năm trước với số tiền là 148.054.361.682 VND.

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho khoản lỗ này vì khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai là không chắc chắn.

**17. Vay và nợ ngắn hạn**

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất vay USD bằng lãi suất cơ sở +3,5%/ năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, một số máy móc thiết bị, nhà xưởng và các khoản phải thu (xem thuyết minh số V.3, V.10 và V.11).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

Số đầu năm	50.899.190.000
Số tiền vay phát sinh	281.639.220.326
Số tiền vay đã trả	(178.883.694.572)
Chênh lệch tỷ giá	1.294.796.959
Số cuối kỳ	<u>154.949.512.713</u>

**18. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các nhà cung cấp nước ngoài	9.782.935.576	257.063.682
Phải trả các nhà cung cấp trong nước	4.949.991.038	5.980.324.335
Cộng	<u>14.732.926.614</u>	<u>6.237.388.017</u>

**19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	47.326.592	-	-	47.326.592
Thuế xuất, nhập khẩu	-	123.586.500	(123.586.500)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Tiền thuế đất	-	66.544.312	(66.544.312)	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	306.210.128	(306.210.128)	-
Các loại thuế khác	-	6.000.000	(6.000.000)	-
Cộng	<u>47.326.592</u>	<u>502.340.940</u>	<u>(502.340.940)</u>	<u>47.326.592</u>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU LONG AN

Địa chỉ: 81B Quốc lộ 62, phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 5%, 10%.

### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22% (năm trước là 25%).

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông sẽ giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.940.540.925	21.762.343.857
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	677.493.266	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(440.642.794)	(212.340.928)
Thu nhập chịu thuế	2.177.391.397	21.550.002.929
Thu nhập được miễn thuế	(120.007.000)	(24.000.000)
Lỗi các năm trước được chuyển	(2.057.384.397)	-
Thu nhập tính thuế	-	21.526.002.929
Trong đó:		
Thu nhập tính thuế từ hoạt động SXKD	-	(14.240.164.920)
Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng bất động sản	-	35.766.167.849
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>8.941.541.962</b>

### *Tiền thuế đất*

Công ty phải nộp tiền thuế đất đối với diện tích 18,785.00 m<sup>2</sup> đất tại Long An và 27,833.20 m<sup>2</sup> đất tại Bà Rịa - Vũng Tàu đang sử dụng theo Hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

## 20. Phải trả người lao động

Khoản lương tháng 6 còn phải trả.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU LONG AN**

Địa chỉ: 81B Quốc lộ 62, phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****21. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	84.563.887	46.004.401
Chi phí hoa hồng môi giới hàng xuất khẩu	510.372.375	554.386.611
Chi phí gia công	1.344.864.499	-
Chi phí dịch vụ khác	-	23.600.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.939.800.761</u></b>	<b><u>623.991.012</u></b>

**22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	2.839.866.718	2.610.562.801
Nhận ký quỹ ngắn hạn	2.010.000.000	10.000.000
Các khoản phải trả khác	118.784.042	5.032.268.375
<b>Cộng</b>	<b><u>4.968.650.760</u></b>	<b><u>7.652.831.176</u></b>

**23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	2.241.378.077	3.945.287.584
Thu quỹ	-	3.396.000
Chi quỹ	(346.424.354)	(1.415.860.893)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>1.894.953.723</u></b>	<b><u>2.532.822.691</u></b>

**24. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	25.200.858	1.728.588
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	58.673.673	-
Khoản hoãn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	-	(1.728.588)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>83.874.531</u></b>	<b><u>-</u></b>

**25. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1 đính kèm.

**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.728.019	14.728.019
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	14.728.019	14.728.019
- Cổ phiếu phổ thông	14.728.019	14.728.019
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU LONG AN**

Địa chỉ: 81B Quốc lộ 62, phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.728.019	14.728.019
- Cổ phiếu phổ thông	14.728.019	14.728.019
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	256.627.065.339	178.101.310.845
- Doanh thu bán thành phẩm	256.234.554.327	177.083.537.438
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	392.511.012	1.017.773.407
Các khoản giảm trừ doanh thu	(649.865.322)	(246.347.925)
- Chiết khấu thương mại	(263.607.795)	(137.514.259)
- Hàng bán bị trả lại	(386.257.527)	-
- Giảm giá hàng bán	-	(108.833.666)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>255.977.200.017</u></b>	<b><u>177.854.962.920</u></b>
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	255.584.689.005	176.837.189.513
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	392.511.012	1.017.773.407

**2. Giá vốn hàng bán**

	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn thành phẩm	242.211.385.871	177.728.269.156
Giá vốn của dịch vụ	-	359.291.469
<b>Cộng</b>	<b><u>242.211.385.871</u></b>	<b><u>178.087.560.625</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	334.297.221	-
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	11.544.981	54.125.268
Cổ tức, lợi nhuận được chia	120.007.000	24.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.012.074.017	224.302.884
<b>Cộng</b>	<b><u>1.477.923.219</u></b>	<b><u>302.428.152</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU LONG AN**

Địa chỉ: 81B Quốc lộ 62, phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****4. Chi phí tài chính**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.657.616.008	3.492.115.605
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	247.270.233	454.796.355
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	682.120.692	589.354.954
Chi phí tài chính khác	26	27.500
<b>Cộng</b>	<b>2.587.006.959</b>	<b>4.536.294.414</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.528.549.470	516.113.370
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	2.294.515.383	3.485.895.350
Chi phí công cụ, dụng cụ	28.000.000	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	40.367.352	70.697.394
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	122.998.517	75.374.672
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.211.052.355	734.347.247
Chi phí khác	1.626.183.087	1.388.031.153
<b>Cộng</b>	<b>6.851.666.164</b>	<b>6.270.459.186</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.468.164.348	1.735.878.887
Chi phí công cụ, đồ dùng	63.894.875	69.881.181
Chi phí khấu hao tài sản cố định	204.504.406	280.082.070
Thuế, phí và lệ phí	46.206.540	27.663.633
Chi phí dự phòng	(142.209.381)	465.987.712
Chi phí dịch vụ mua ngoài	345.658.044	342.637.622
Chi phí khác	944.198.176	878.274.521
<b>Cộng</b>	<b>3.930.417.008</b>	<b>3.800.405.626</b>

**7. Thu nhập khác**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	52.221.268.546
Thu khác	79.901.960	437.471.421
<b>Cộng</b>	<b>79.901.960</b>	<b>52.658.739.967</b>

**8. Chi phí khác**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý	-	16.280.369.915
Chi phí khác	14.008.269	78.697.416
<b>Cộng</b>	<b>14.008.269</b>	<b>16.359.067.331</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU LONG AN

Địa chỉ: 81B Quốc lộ 62, phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	58.673.673	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(147.590.475)	(147.338.739)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(1.728.588)
<b>Cộng</b>	<b>(88.916.802)</b>	<b>(149.067.327)</b>

### 10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.029.457.727	12.969.869.222
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.029.457.727	12.969.869.222
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	14.728.019	14.728.019
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>138</b>	<b>881</b>

### 11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	251.073.759.868	214.599.566.499
Chi phí nhân công	18.980.019.248	20.084.152.456
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.960.692.027	2.828.862.843
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.993.300.263	9.160.755.726
Chi phí khác	4.245.360.326	5.370.181.990
<b>Cộng</b>	<b>282.253.131.732</b>	<b>252.043.519.514</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ là 836.934.838 VND (cùng kỳ năm trước là 562.043.763 VND).

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU LONG AN

Địa chỉ: 81B Quốc lộ 62, phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH XNK thủy sản Cần Thơ	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Xuyên Thái Bình	Cổ đông góp 23,03% vốn điều lệ

Trong kỳ, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

## 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

### *Khu vực địa lý*

Các sản phẩm của Công ty được tiêu thụ tại thị trường nội địa và xuất khẩu chủ yếu sang các nước châu Âu, châu Á và Mỹ.

Thông tin về bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty được thể hiện ở Phụ lục 2 đính kèm.

### *Lĩnh vực kinh doanh*

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là chế biến kinh doanh hạt điều.

Toàn bộ tài sản của Công ty được đặt tại Việt Nam.

## 3. Thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	84.826.179	84.155.862
Trên 1 năm đến 5 năm	339.304.716	336.623.448
Trên 5 năm	672.174.641	841.570.344
<b>Cộng</b>	<b>1.096.305.536</b>	<b>1.262.349.654</b>

Công ty thuê đất tại phường 02 và phường 04, TP. Tân An, tỉnh Long An và tại xã Đá Bạc, huyện Châu Đức, TP. Bà Rịa – Vũng Tàu dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê tại TP. Tân An, tỉnh Long An có hiệu lực đến năm 2026, tại TP. Bà Rịa – Vũng Tàu có hiệu lực đến năm 2053 và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê được điều chỉnh theo nguyên tắc quy định tại Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ (với chu kỳ ổn định đơn giá thuê đất 05 năm).

## 4. Quản lý rủi ro tài chính

### *Tổng quan*

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU LONG AN

Địa chỉ: 81B Quốc lộ 62, phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

### Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

### Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.702.347.991	-	10.702.347.991
Phải thu khách hàng	48.818.717.971	1.558.095.820	50.376.813.791
Các khoản phải thu khác	1.905.625.764	8.500.000	1.914.125.764
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	2.350.172.168	-	2.350.172.168
<b>Cộng</b>	<b>63.776.863.894</b>	<b>1.566.595.820</b>	<b>65.343.459.714</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.649.256.457	-	28.649.256.457
Phải thu khách hàng	25.226.232.025	2.401.095.820	27.627.327.845
Các khoản phải thu khác	1.691.294.201	8.500.000	1.699.794.201
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	2.350.172.168	-	2.350.172.168
<b>Cộng</b>	<b>57.916.954.851</b>	<b>2.409.595.820</b>	<b>60.326.550.671</b>

### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU LONG AN

Địa chỉ: 81B Quốc lộ 62, phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng là từ 1 năm trở xuống.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro về lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất và giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

### **Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Nợ phải trả thuần có gốc USD của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	352,969.72	270,567.91
Phải thu khách hàng	2,289,523.05	1,228,162.12
Vay và nợ	(7,274,625.01)	(2,414,000.00)
Phải trả người bán	(459,292.75)	(12,191.78)
<b>Nợ phải trả thuần có gốc USD</b>	<b>(5,091,424.99)</b>	<b>(927,461.75)</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 2.168.947.046 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 1.828.355.094 VND).



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU LONG AN

Địa chỉ: 81B Quốc lộ 62, phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các khoản vay có lãi suất thả nổi của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 7,274,625.01 USD (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 2,414,000.00 USD).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay USD có lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 1.549.495.127 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 847.977.417 VND).

### *Rủi ro về giá chứng khoán*

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

### *Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu*

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

### *Tài sản đảm bảo*

#### *Tài sản thế chấp cho đơn vị khác*

Công ty thế chấp khoản phải thu khách hàng để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.3 và V.17). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 50.376.813.791 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 0 VND).

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

#### *Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác*

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU LONG AN

Địa chỉ: 81B Quốc lộ 62, phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

## 5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

### Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.702.347.991	-	28.649.256.457	-	10.702.347.991	28.649.256.457
Phải thu khách hàng	50.376.813.791	(1.137.942.694)	27.627.327.845	(1.280.152.075)	49.238.871.097	26.347.175.770
Các khoản phải thu khác	1.914.125.764	(8.500.000)	1.699.794.201	(8.500.000)	1.905.625.764	1.691.294.201
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	2.350.172.168	-	2.350.172.168	-	2.350.172.168	2.350.172.168
<b>Cộng</b>	<b>65.343.459.714</b>	<b>(1.146.442.694)</b>	<b>60.326.550.671</b>	<b>(1.288.652.075)</b>	<b>64.197.017.020</b>	<b>59.037.898.596</b>

### Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Vay và nợ	154.949.512.713	50.899.190.000	154.949.512.713
Phải trả người bán	14.732.926.614	6.237.388.017	14.732.926.614	6.237.388.017
Các khoản phải trả khác	3.949.800.761	633.991.012	3.949.800.761	633.991.012
<b>Cộng</b>	<b>173.632.240.088</b>	<b>57.770.569.029</b>	<b>173.632.240.088</b>	<b>57.770.569.029</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

Long An, ngày 21 tháng 7 năm 2014

  
Trương Thị Phượng Linh  
Người lập biểu

  
Huỳnh Thị Ngọc Mỹ  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Văn Chiêu  
Tổng Giám đốc



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU LONG AN

Địa chỉ: 81B quốc lộ 62, phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	147.280.190.000	24.894.688.720	39.922.982.059	9.547.963.269	162.380.000	(140.298.658.265)	81.509.545.783
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	33.605.586.653	33.605.586.653
Chi quỹ trong năm	-	-	-	-	(3.000.000)	-	(3.000.000)
Số dư cuối năm trước	147.280.190.000	24.894.688.720	39.922.982.059	9.547.963.269	159.380.000	(106.693.071.612)	115.112.132.436
Số dư đầu năm nay	147.280.190.000	24.894.688.720	39.922.982.059	9.547.963.269	159.380.000	(106.693.071.612)	115.112.132.436
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	-	2.029.457.727	2.029.457.727
Chi quỹ trong kỳ này	-	-	-	-	(3.000.000)	-	(3.000.000)
Số dư cuối kỳ này	147.280.190.000	24.894.688.720	39.922.982.059	9.547.963.269	156.380.000	(104.663.613.885)	117.138.590.163

Đơn vị tính: VND

Long An, ngày 21 tháng 7 năm 2014



*Trương Thị Phượng Linh*

Trương Thị Phượng Linh  
Người lập biểu

Nguyễn Văn Chiếu  
Tổng Giám đốc

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU LONG AN

Địa chỉ: 81B quốc lộ 62, phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An  
BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014  
Phụ lục 2: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty:

Kỳ này	Nước ngoài	Trong nước	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	244.929.986.940	11.047.213.077	-	255.977.200.017
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>244.929.986.940</b>	<b>11.047.213.077</b>	-	<b>255.977.200.017</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	12.815.802.757	950.011.389	-	13.765.814.146
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	(10.782.083.172)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	2.983.730.974
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	1.477.923.219
Chi phí tài chính	-	-	-	(2.587.006.959)
Thu nhập khác	-	-	-	79.901.960
Chi phí khác	-	-	-	(14.008.269)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	88.916.802
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>1.702.903.560</b>	<b>76.807.004</b>	-	<b>2.029.457.727</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	-	-	-	-
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>1.702.903.560</b>	<b>76.807.004</b>	-	<b>1.779.710.564</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	-	-	-	-



044  
CÔNG  
NHIỆM  
ĐẢN V  
, &  
(TP)



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU LONG AN

Địa chỉ: 81B quốc lộ 62, phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An  
BẢO CAO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014  
Phụ lục 2: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Nước ngoài	Trong nước	Các khoản loại trừ	Cộng
<b>Kỳ trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	134.239.363.107	43.615.599.813	-	177.854.962.920
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>134.239.363.107</b>	<b>43.615.599.813</b>	-	<b>177.854.962.920</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(181.127.653)	(51.470.052)	-	(232.597.705)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(10.070.864.812)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(10.303.462.517)
Doanh thu hoạt động tài chính				302.428.152
Chi phí tài chính				(4.536.294.414)
Thu nhập khác				52.658.739.967
Chi phí khác				(16.359.067.331)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(8.941.541.962)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				149.067.327
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>12.969.869.222</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	-	-	-	-
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>2.035.773.764</b>	<b>661.329.792</b>	-	<b>2.697.103.556</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	-	-	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU LONG AN**

Địa chỉ: 81B quốc lộ 62, phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Phụ lục 2: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa theo vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	Nước ngoài	Trong nước	Các khoản loại trừ	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	48.786.929.974	460.441.123	-	49.247.371.097
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				250.004.635.150
<b>Tổng tài sản</b>				<b>299.252.006.247</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	884.788.225	194.195.108	-	1.078.983.333
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				181.034.432.751
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>182.113.416.084</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	25.897.105.838	458.569.932	-	26.355.675.770
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				162.438.328.022
<b>Tổng tài sản</b>				<b>188.794.003.792</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	618.854.761	907.588.123	-	1.526.442.884
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				72.155.428.472
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>73.681.871.356</b>

Long An, ngày 21 tháng 7 năm 2014



Trương Thị Phượng Linh  
Người lập biểu



Huỳnh Thị Ngọc Mỹ  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chiêu  
Tổng Giám đốc

